

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN PH TH

TỈNH G L

Bản án số:15/2019/HS-ST

Ngày: 18/7/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH TH TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nay Chok - Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện PH TH, GL.

Ông: Lê Ngọc Tuấn - Phó hiệu trưởng trường TH PT Trần Quốc Tuấn huyện PH TH, tỉnh GL.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PH TH, tỉnh GL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH TH, tỉnh GL tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST- HS ngày 17 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Rco H, sinh ngày 20/11/2002; tại: GL; Nơi cư trú: tổ 01, phường Che Re, thị xã Ayu, tỉnh GL; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kpă Ph, SN: 1976 và bà: Rco H'Y, SN: 1979; gia đình có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con út trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ ChưTh; ông Nguyễn Đ S - chức vụ: Quyền Trưởng ban là người Đại diện hợp pháp (có mặt).

Người đại diện hợp pháp đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho bị cáo Rco H: ông Kpă Ph, sinh năm: 1976;

Trú tại: tổ 01, phường Cheo R, thị xã Ayu, tỉnh GL (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo có: bà Ngô Th V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh GL.

Người phiên dịch: ông RcoP; Trú tại: tổ dân phố 15, thị trấn PH TH, huyện PHTH, tỉnh GL (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 01/2019, Rco H mang theo 01máy cưa xăng và 01rựa (dao quắm) đến khu vực rừng tiếp giáp với rẫy của bố mẹ H đã khai hoang từ năm 1999 thuộc lô 8 và lô 15, khoảnh 9, tiểu khu 1272 lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Chư A thuộc địa phận xã I Hi, huyện PH TH để chặt phá cây rừng. Sau khi chặt phá, H gom những cây đã chặt thành từng đống để chờ khô rồi đốt. Ngày 18/01/2019 tổ công tác thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ ChTh, huyện PH TH đi tuần tra tại Tiểu khu 1272 thì phát hiện H chặt phá cây rừng, nên đã tiến hành lập biên bản và tịch thu 01máy cưa xăng và 01rựa; sau đó bàn giao hồ sơ cho Hạt kiểm lâm huyện PH TH giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra, các cơ quan tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: nơi xảy ra chặt phá rừng thuộc lô 8 và lô 15, khoảnh 9, tiểu khu 1272 thuộc Lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ ChTh quản lý, tại địa giới hành chính xã Ia Hiao, PH TH; tiến hành đo bằng máy định vị GPS hệ VN 2000 xác định vị trí rừng bị chặt phá ở các tọa độ: OX: 478544,OY: 1477048; OX: 478533,OY: 1477044; OX: 478504, OY: 1477048; OX: 478500, OY: 1477060; OX: 478501,OY: 1477101; OX: 478495, OY: 1477111; OX: 478483, OY: 1477115; OX: 478480,OY: 1477121; OX: 478463, OY: 1477122; OX: 478463, OY: 1477133; OX: 478451,OY: 1477158; OX: 478497, OY: 1477162; OX: 478511, OY: 1477131; OX: 478524,OY: 1477147; OX: 478542, OY: 1477242; OX: 478576, OY: 1477245; OX: 478588,OY: 1477198; OX: 478596, OY: 1477121; OX: 478587, OY: 1477015; OX: 478550, OY: 1477048; tổng diện tích rừng bị phá là 16.800m² thuộc loại rừng sản xuất, có hiện trạng là rừng tự nhiên lá rộng rụng lá phục hồi và rừng tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo và bị chặt phá 137 gốc cây.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, cùng tài liệu chứng cứ đã thu thập được, Hạt kiểm lâm huyện PH TH đã quyết định khởi tố vụ án về tội “*Hủy hoại rừng*” theo Điều 243 Bộ luật hình sự, đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PH TH để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 25/3/2019; ngày 26/4/2019 và ngày 17/4/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện PH TH đã ra Quyết định trưng cầu giám định và Quyết định trưng cầu giám định bổ sung xác định loại rừng, hiện trạng rừng, nhóm gỗ, chủng loại gỗ, cấp kính, khối lượng từng loại gỗ; đồng thời yêu cầu định giá tài sản về lâm sản và thiệt hại về môi trường.

Tại bản kết luận giám định ngày 05/4/2019 và kết luận giám định bổ sung ngày 07/5/2019 của Chi cục kiểm lâm tỉnh GL: vị trí rừng bị chặt phá lô 8 và lô 15, khoảnh 9, tiểu khu 1272 thuộc địa giới hành chính xã I Hi, PH TH, GL. Loại rừng bị chặt phá: Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng đến 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất. Hiện trạng: theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2014 kèm theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh GL là rừng tự nhiên lá rộng rụng lá phục hồi và rừng tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo. Chủ quản lý là Ban quản lý rừng phòng hộ ChTh.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 05/KL - HĐĐG ngày 19/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện PHTH; giá trị lâm sản bị thiệt hại là: 13.683.565đồng (*mười ba triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi*

lăm đồng); giá trị thiệt hại về môi trường là: 41.050.695đồng (*bốn mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng*).

Tại bản cáo trạng số 12/CTr-VKS ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH TH, GL đã truy tố bị cáo Rco H về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Rco H mức án tù 01 năm 06 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng đến 48 tháng; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Về dân sự, bị cáo đồng ý khắc phục hậu quả thiệt hại về lâm sản và môi trường với số tiền 54.734.260đồng; đã tự nguyện bồi thường 10.000.000đồng, còn phải bồi thường 44.734.260đồng.

Về tang vật, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 máy cưa xăng; tịch thu tiêu hủy 01 dao rựa.

Tại phiên tòa người bào chữa phát biểu, việc truy tố, xét xử bị cáo H về tội danh và điều luật là hoàn toàn đúng theo quy định, người bào chữa không có ý kiến gì; đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả một phần, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, có nhân thân tốt; phạm tội đang ở tuổi vị thành niên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình; xử phạt bị cáo H mức án tù 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 đến 48 tháng; về dân sự và tang vật người bào chữa đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Rco H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có đủ cơ sở khẳng định: Muốn có nương rẫy để trồng trọt sản xuất, bị cáo H đã dùng máy cưa xăng và rựa đến khu vực rừng tự nhiên lá rộng rụng lá phục hồi và rừng tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo, thuộc lô 8 và lô 15, khoảnh 9, tiểu khu 1272, do Ban quản lý rừng phòng hộ ChTh là chủ quản lý, thuộc địa phận xã IHi, huyện PH TH để chặt phá 1,68ha; tổng giá trị thiệt hại 54.734.260đồng. Như vậy hành vi của Rco H đã phạm vào tội Hủy hoại rừng được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi Hủy hoại rừng của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, ảnh hưởng môi trường sinh thái đồng thời gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác không lường trước được trong đời sống xã hội; lẽ ra bị cáo phải hiểu được rừng là tài nguyên thiên nhiên vô giá, vì rừng nó làm cân bằng sinh thái môi trường, giữ ổn định nguồn nước thiên nhiên hạn chế sự bay hơi của nước trong lòng đất, ngăn chặn lũ lụt...H chỉ vì chút lợi ích cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật chặt phá 137 gốc cây trên tổng diện tích 16.800 m² thuộc loại rừng sản xuất để làm nương rẫy; vì vậy cần xử cho bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi hủy hoại rừng của bị cáo, để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; H xét bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo cùng gia đình đã khắc phục một phần hậu quả; xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, để xử bị cáo dưới khung hình phạt được quy định tại Điều 54 BLHS; bị cáo phạm tội đang ở tuổi vị thành niên nên áp dụng Điều 91 và Điều 101 BLHS; vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để răn đe giáo dục cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình - xã hội, thể hiện tính khoan hồng của Pháp luật; nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt nổi với bỏ cao.

[3] Việc tuân theo pháp luật, trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án Cơ quan khởi tố - truy tố đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, mức án đề nghị, xử lý tang vật và án phí phải chịu; Hội đồng xét xử xét mức án của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Xét đề nghị mức án của người bào chữa đối với bị cáo Rco H là phù hợp; Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

[5] Về dân sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đồng ý khắc phục hậu quả thiệt hại về Lâm sản và Môi trường với số tiền 54.734.260đồng, đã tự nguyện bồi thường 10.000.000đồng. Hội đồng xét xử, xét ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và căn cứ theo điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, thì bị cáo không phải chịu án phí dân sự khi hoàn trả (bồi thường) của số tiền 10.000.000đồng; bị cáo còn phải bồi thường 44.734.260đồng.

[6] Về tang vật vụ án:

+ Thu giữ 01 máy cưa xăng có hiệu KAN TA 066, phần lưỡi lam và dây cắt được tháo rời là công cụ phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 rựa (dao quắm) bằng kim loại, có phần chuôi dao dài 17cm, lưỡi dao dài 29cm, bản rộng 05cm là công cụ phương tiện phạm tội; xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ ChTh; ông Ng Đ S là người đại diện hợp pháp ý kiến, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo H phải bồi thường số tiền là 54.734.260đồng cho Ban quản lý theo quy định.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*Tuyên bố bị cáo **Rco H** phạm tội “Hủy hoại rừng”;*

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo: Rco H 24 (Hai bốn) tháng tù, H cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án (18/ 7/ 2019).

Giao bị cáo Rco H cho Ủy ban nhân dân phường Che Re, thị xã Ayu, GL và gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự;

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Buộc Rco H phải bồi thường cho nhà nước (Ban quản lý rừng phòng hộ ChTh, huyện PH TH, tỉnh GL) số tiền là 54.734.260đồng (Năm mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi tư ngàn, hai trăm sáu mươi đồng), “H được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp là 10.000.000đồng(Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001117ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án huyện PH TH, tỉnh GL”; bị cáo H còn phải bồi thường 44.734.260đồng (Bốn mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi tư ngàn, hai trăm sáu mươi đồng).

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01máy cưa xăng có hiệu KAN TA 066, phần lưỡi lam và dây cắt được tháo rời.

+ Tịch thu tiêu hủy 01rựa (dao quắm) bằng kim loại, có phần chuôi dao dài 17cm, lưỡi dao dài 29cm, bản rộng 05cm.

(Toàn bộ vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2019, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PH TH và Chi cục thi hành án dân sự huyện PH TH, tỉnh GL).

Buộc Rco H phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.237.000đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường cho nhà nước, nếu bị cáo không tự nguyện thì án thì hàng tháng còn phải khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/ 7/ 2019) bị cáo, nguyên đơn dân

sự và người bào chữa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh GL xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

TÒA

-VKS.H.PHTH;

-Công an huyện;

-Chi cục THA huyện;

-Bị cáo;

-Người TGTT;

-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Bùi Đức Ruyệt

